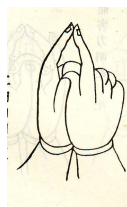


MƯỜI BỐN ẤN CĂN BẢN CỦA BẤT ĐỘNG MINH VƯƠNG

Soạn dịch: HUYỀN THANH

Mười bốn Ấn căn bản của Bất Động còn được gọi là **Căn Bản Ấn Minh**, tức 14 Ấn Khế của Bất Động Minh Vương trong Mật Giáo. Thứ tự Ấn Tướng của 14 Ấn được các Kinh Quĩ lược nói có chút sai khác. Nay căn cứ vào 14 loại được ghi chép trong **Bất Động Lập Ấn** mà ghi chép lại

1_ **Căn Bản Ấn**: Còn gọi là **Châm Ấn, Độc Cổ Ấn**. Tức hai tay Nội Phộc, hai ngón cái để ở bên cạnh hai ngón vô danh, để đầu hai ngón giữa ở mặt hai ngón cái, dựng hợp hai ngón trỏ. Hai ngón trỏ biểu thị cho cây kiếm; hai ngón cái, hai ngón vô danh biểu thị cho sợi dây. Hoặc hai ngón vô danh, hai ngón giữa biểu thị cho bốn Ma, dùng hai ngón cái đè lên tức biểu thị cho nghĩa giáng phục bốn Ma.

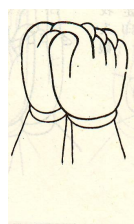


Chân Ngôn là:

ॐ: मम म वज्रं नमः

NAMAḤ SAMANTA-VAJRÀṆĀM _ HÀM

2_ **Bảo Sơn Ấn**: Tức hai tay Nội Phộc, đưa hai ngón cái vào ở trong lòng bàn tay, làm tòa ở bàn đá, biểu thị cho nghĩa chẳng động chuyển



Chân Ngôn là:

ॐ: मम म वज्रं नमः

NAMAḤ SAMANTA-VAJRÀṆĀM _ HÀM

3_ **Đầu Ấn**: Hai tay tác Kim Cương Quyền. Ngửa quyền phải, quyền trái che bên trên. Đây là hình kết tóc.



Chân Ngôn là:

ॐ नमः शिवाय वज्रं नमः ॐ

NAMAḤ SAMANTA-VAJRÀṆÀM _ HÀM

4_ **Nhãn Ấn**: hai tay Nội Phộc, đưa hai ngón cái vào lòng bàn tay, dựng hợp hai ngón trỏ. Đem Ấn để ở hai con mắt với tam tinh, biểu thị cho con mắt Trí của ba Bộ, hoặc hai Bộ với con mắt Trí chẳng hai



Chân Ngôn là:

ॐ नमः शिवाय वज्रं नमः ॐ

NAMAḤ SAMANTA-VAJRÀṆÀM _ HÀM

5_ **Khẩu Ấn**: Hai ngón út cài chéo nhau ở bên trong, hai ngón vô danh đè ở khoảng chéo nhau của hai ngón út, kèm duỗi hai ngón giữa, hai ngón cái đều đè ở móng ngón vô danh, hai ngón trỏ đều để ở móng hai ngón giữa, đem Ấn để ở miệng. Hoặc dùng hai ngón cái làm môi dưới, hai ngón giữa, hai ngón trỏ làm môi trên, khoảng giữa làm hình cái miệng. Đây là cái miệng của **Đại Không Tam Muội**, đầu hai ngón út lộ ra biểu thị cho hình của hai răng nanh.

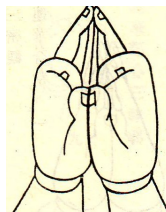


Chân Ngôn là:

ॐ नमः शिवाय वज्रं नमः ॐ

NAMAḤ SAMANTA-VAJRÀṆÀM _ HÀM

6_ **Tâm Ấn**: Hai tay chắp lại giữa rỗng, hai ngón trỏ, hai ngón cái làm như dạng búng ngón tay, tức tương đồng với **Đại Tuệ Dao Ấn**. Tâm Ấn là Tâm **Càn Lật Đà** của Ất Động Tôn, biểu thị cho vạn Đức trong tâm.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्तावज्रानाम् ह्रीं

NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀṆĀM _ HĀM

7_ **Tứ Xứ Gia Trì Ấn:** Còn gọi là **Giáp Ấn**. Chắp hai tay lại giữa rỗng, dựng hai ngón giữa như dạng cây phượng, để hai ngón trỏ ở lóng đầu tiên của hai ngón giữa, hai ngón vô danh làm hình bầu; bung đứng hai ngón út, hai ngón cái xong ấn ở bốn nơi là trái tim, hai vai, cổ họng rồi bung tán ở trên đỉnh đầu. Dùng Ấn này gia trì bốn nơi trên thân tức thành thân Bất Động.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्तावज्रानाम् ह्रीं

NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀṆĀM _ HĀM

8_ **Sư Tử Phấn Tấn Ấn:** Như Ấn lúc trước, mở đứng ngón trỏ phải rồi dao động , làm hình sư tử chồm dậy mau lẹ (sư tử phấn tấn). Sư Tử biểu thị cho Tâm Bồ Đề (Bodhi-citta)

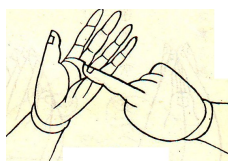


Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्तावज्रानाम् ह्रीं

NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀṆĀM _ HĀM

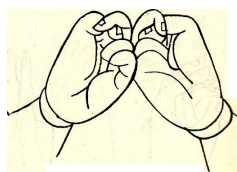
9_ **Hỏa Diễm Ấn:** Tay phải đem ngón cái đè ở móng ngón giữa, ngón vô danh, dựng ngón trỏ dặt ở gốc ngón giữa trong lòng bàn tay trái, có nghĩa là dùng gió chỉ dạy (giáo) của Phật Đại Bi dẫn phát lửa Trí của chúng sinh.



Chân Ngôn là:

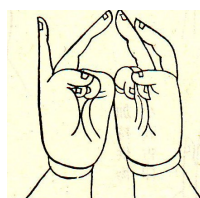
ॐ समं वज्रं हं
NAMAḤ SAMANTA-VAJRÀṆÀM _ HÀM

10_ **Hỏa Diệt Luân Chỉ Ấn**: Còn gọi là **Chế Hỏa Ấn**, **Già Hỏa Ấn**. Hai tay đều để ngón cái ló ra ở khoảng giữa của ngón trỏ và ngón giữa, hai tay nắm quyền, hợp lưng. Như Phong (ngón trỏ) gần ở Hỏa (ngón giữa) ắt lửa lớn mạnh, Trí Không (2 ngón cái) ở khoảng giữa của Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) ắt lửa tự diệt, tức biểu thị dùng Trí Đại Không diệt lửa của nghiệp phiền não.



Chân Ngôn là:
ॐ समं वज्रं हं
NAMAḤ SAMANTA-VAJRÀṆÀM _ HÀM

11_ **Thương Khư (Pháp Loa) Ấn**: Hai tay ngón cái đều dè ở ngón vô danh, ngón út; dựng hợp hai ngón giữa, ngón trỏ phải phụ ở lóng của ngón giữa, mở đứng ngón trỏ trái. Pháp Loa tức là nghĩa **Thuyết Pháp**



Chân Ngôn là:
ॐ समं वज्रं हं
NAMAḤ SAMANTA-VAJRÀṆÀM _ HÀM

12_ **Khát Nga (Kiếm) Ấn**: Các Quĩ với Phẩm Mật Ấn của Kinh Đại Nhật đều nói giống nhau. Tay trái duỗi giương ngón trỏ, ngón giữa; đem ngón cái dè móng ngón út làm dạng cái bao chứa đao. Tay phải cũng làm dạng cây đao như vậy, ngửa trên tay làm cái bao, úp tay làm đao xuống dưới để ở trên tay làm cái bao. Trong Ấn này thì hai ngón giữa, ngón trỏ biểu thị cho thân Bất Động. Hoặc ngón vô danh, ngón út dè ở ngón cái biểu thị cho Đức **Đại Nhật** của hai Bộ.

